Phụ lục 43
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
XÃ VĨNH TUY

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 1, 7, 22, 23, 31, 38, 39 Phụ lục 43 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL43 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	7	Khu tái định cư Vĩnh Tuy (ấp Tân Đời)	1.188	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu tái định cư chợ Vĩnh Tuy (ấp Tân Đời))
2	22	Các lô 1, số 13 (Chợ Vĩnh Thắng)	1.104	Sửa tên đường (Tên cũ: Các lô góc số 1, số 13)
3	23	Các lô số 2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,22,23,24,27,28 (Chợ Vĩnh Thắng)	1.008	Sửa tên đường (Tên cũ: Các lô số 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 22, 23, 24, 27, 28)
4	31	Đường Khu Căn Cứ (R=2.5m): Từ nhà thầy Ái đến giáp Kênh 3	280	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Khu Căn Cứ(R=2.5): Từ nhà thầy Ái đến giáp Kênh 3)

TT	Số TT PL43 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
5	38	Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m	300	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường > 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
6	39	Các tuyến đường khác có độ rộng đường < 3m	280	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường < 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
II	**BỔ SUNG**			
1	1	Quốc lộ: Đường Hồ Chí Minh		
		- Từ đường số 5 đến Hết khu dân cư	3.692	Bổ sung
III	**HỦY BỎ**			
1	40	Các tuyến còn lại		Huỷ bỏ